

Họ, tên thí sinh:

Mã đề: 1343

Số báo danh:

PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.**Câu 1:** Một hình chữ nhật có hai kích thước 35 và 12. Độ dài đường chéo bằng:

A. 28

B. 45

C. 37

D. 31

Câu 2: Phân tích đa thức $x^2 + 4x + 3$ thành nhân tử, ta được:A. $(x + 1)^2$ B. $(x + 1)(x + 3)$ C. $(x - 1)(x - 3)$ D. $x(x + 4)$ **Câu 3:** Phân tích đa thức $x^2 - 7^2$ thành nhân tử, ta được:A. $(x - 7)(x + 7)$ B. $(x - 7)^2$ C. $(x + 7)^2$ D. $x(x - 7)$ **Câu 4:** Tích $2x^3 \cdot 6x^2$ có hệ số bằng:

A. 12

B. 3

C. 5

D. 6

Câu 5: Phân tích đa thức $x^3 - 27$ thành nhân tử, ta được:A. $(x - 3)^3$ B. $(x - 3)(x^2 - 3x + 9)$ C. $(x - 3)(x^2 + 3x + 9)$ D. $(x - 3)(x^2 + 9)$ **Câu 6:** Thu gọn $3x^2 + 2x^2$ ta được biểu thức có hệ số bằng:

A. 14

B. 4

C. 9

D. 5

Câu 7: Bậc của đơn thức $5x^5y^1$ là:

A. 6

B. -1

C. 8

D. 12

Câu 8: Phân tích đa thức $4x^2 + 8x$ thành nhân tử, ta được:A. $4x(x + 8)$ B. $4x(x + 2)$ C. $x(4x + 2)$ D. $4(x^2 + 2x)$ **Câu 9:** Tính nhanh giá trị biểu thức $27^2 - 24^2$:

A. 160

B. 153

C. 150

D. 144

Câu 10: Phân tích đa thức $x^2 - 2x + 1$ thành nhân tử, ta được:

A. $(x - 1)^2$

B. $(x + 1)^2$

C. $x(x - 2)$

D. $(x - 1)(x + 1)$

Câu 11: Phân tích đa thức $x^2 - 12x + 36$ thành nhân tử, ta được:

A. $(x - 6)^2$

B. $(x + 6)^2$

C. $(x - 6)(x + 6)$

D. $x(x - 12)$

Câu 12: Phân tích đa thức $x^2 - 6^2$ thành nhân tử, ta được:

A. $(x - 6)^2$

B. $x(x - 6)$

C. $(x - 6)(x + 6)$

D. $(x + 6)^2$

PHẦN II. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 7. Câu 1–5: trả lời ngắn (ghi đáp số); câu 6–7: tự luận (trình bày lời giải).

Câu 1: Trong khai triển $(x + 4)^3$, hệ số của x^2 bằng: Trả lời:

Câu 2: Tính nhanh giá trị biểu thức $15^2 - 12^2$: Trả lời:

Câu 3: Trong khai triển $(x + 2)^3$, hệ số của x^2 bằng: Trả lời:

Câu 4: Bậc của đơn thức $5x^1y^1$ là: Trả lời:

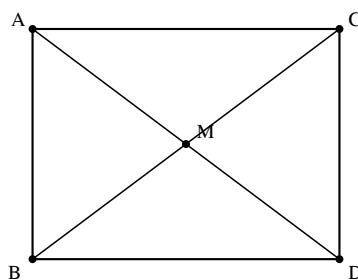
Câu 5: Giá trị của biểu thức $x^2 - 6$ tại $x = 6$ bằng: Trả lời:

Câu 6: Cho tam giác ABC vuông tại A. Gọi M là trung điểm của cạnh BC. Trên tia đối của tia MA lấy điểm D sao cho MD = MA.

a) Chứng minh tứ giác ABDC là hình chữ nhật.

b) Chứng minh $AD = BC$ và $AM = \frac{1}{2} \cdot BC$.

(Tự luận chứng minh — trình bày lời giải)

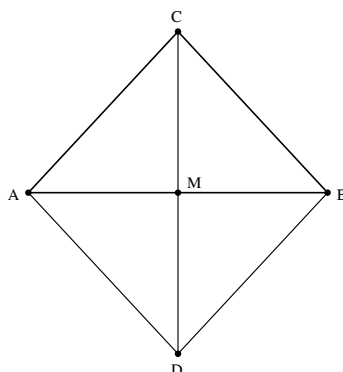


Câu 7: Cho tam giác ABC. Gọi M là trung điểm của cạnh AB. Trên tia đối của tia MC lấy điểm D sao cho $MD = MC$.

a) Chứng minh tứ giác ACBD là hình bình hành.

b) Chứng minh $AD \parallel BC$ và $AD = BC$.

(Tự luận chứng minh — trình bày lời giải)



----- **HẾT** -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;

- Giám thị không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO — Đề thi thử học kỳ 1 môn Toán lớp 8 — Đề số 13

Phần I. Trắc nghiệm 4 phương án

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	C	B	A	A	C	D	A	B	B	A	A	C

Phần II. Tự luận

Câu	1	2	3	4	5	6	7
Đáp án	12	81	6	2	30	(TL)	(TL)

** Lời giải chi tiết từng câu chỉ hiển thị sau khi mở khoá đáp án của đề (hoặc mua trọn bộ).*